TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 324/2018/DS-PT
Ngày 14/11/2018
V/v "Tranh chấp ranh giới QSDĐ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Tấn Tặng

Ông Sỹ Danh Đạt

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Nguyễn Trọng Hiếu.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp*: Ông Phan Trung Quốc - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Trong các ngày 08/11 và 14/11 năm 2018 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 147/2018/TLPT- DS ngày 15 tháng 5 năm 2018 về tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất".

Do bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/ DS – ST ngày 05 tháng 7 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện T bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 238/2018/QĐ – PT ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Trung T, sinh năm: 1969.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Lê Văn L, sinh năm: 1945.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo ủy quyền của ông L là chị Lê Thị L1, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Trịnh Văn L2, sinh năm 1968;

2. Chị Lê Thị C, sinh năm 1968;

3. Chị Lê Thị L1, sinh năm 1975;

4. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964;

5. Chị Trịnh Thị Bích T, sinh năm 1992;

6. Anh Nguyễn Đức L, sinh năm 1991.

Cùng địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

3. Người kháng cáo: ông Lê Văn L là bị đơn của vụ án.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa. Anh Nguyễn Đức L có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/01/2017, Đơn khởi kiện bổ sung ngày 20/9/2017, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên tòa nguyên đơn ông Nguyễn Trung T trình bày:

Năm 1983 vợ chồng ông được cha mẹ cho đất thổ cư tại ấp Bắc, xã T, huyện T, tỉnh Đồng tháp, sau khi được cho ông làm nhà ở tạm, năm 1999 vợ chồng ông làm nhà lại và sử dụng đến nay. Khi cho đất có đo đạc hay không, ông không nhớ, lúc cha mẹ cho đất đã có nhà ông L, chưa có nhà anh L, hai bên xác định ranh là hàng tre do cha mẹ ông trồng. Hiện nay còn 02 bụi (Bụi bên đất của ông L giáp với ranh đất của ông, ông L đang quản lý sử dụng, bụi sau hậu giáp đường nước bên đất của ông, ông đang quản lý sử dụng), đất của ông theo đo đạc thực tế phía giáp lộ là 10,06m, phía sau hậu là 14,5m, dài từ lộ vô là 50,48m.

Ngày 17/9/1997 hộ gia đình ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do ông đại diện hộ đứng tên, hiện nay ông đã làm nhà kiên cố, nền nhà làm cao hơn so với nền nhà trước khoảng 0,4m và cao hơn nền nhà ông L hiện nay là 0,5m. Nay giữa ông và ông L, anh L đang tranh chấp 88,5m^2 theo đo đạc thực tế (ngang trước lộ là 1,19m; sau hậu là 2,33m; chiều dài là 50,48m). Diện tích đất tranh chấp từ trước đến nay ông quản lý sử dụng. Trong đất tranh chấp phía bên ông L và anh L, nhà anh L có một mái che tạm ngang 01m, dài 3,4m; phía sau nhà anh L có một cây mít giáp với ranh đất của ông, hiện nay tàn cây mít sang phần đất của ông nên mỗi khi mưa gió cành mít quét vô nhà làm cho nước chảy vô nhà. Phía bên ông có một mái che ngang 1,31m, dài 16,03m, hàng rào B40 dài khoảng 8m, cao khoảng 1,6m.

Nay ông yêu cầu như sau: Yêu cầu Tòa án giao cho gia đình ông được tiếp tục quản lý sử dụng 88,5m^2 đất thuộc một phần của thửa 471, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02365.QSDĐ/A4; Xác định ranh đất theo sơ đồ là từ điểm số 3 đến điểm số 6; Yêu cầu anh L di dời mái che trên đất tranh chấp để trả đất cho ông. Yêu cầu anh L đốn cây mít để không ảnh hưởng đến nhà của ông mỗi khi trời mưa.

Ngoài ra phía sau nhà anh L, nhà anh L có một mái che lấn qua đất của ông, phía sau ngang khảng 0,3m, phía trước không lấn qua, dài khoảng 12m, hiện tại ông chưa yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau nay có yêu cầu, ông sẽ yêu cầu Tòa án giải quyết bằng một vụ kiện khác.

Đối với yêu cầu phản tố của ông L, ông không đồng ý vì đất thuộc quyền sử dụng của gia đình ông. Về chi phí tố tụng: Nếu yêu cầu của ông được Tòa án chấp nhận ông tự nguyện chịu toàn bộ chi phí.

Tại Đơn phản tố ngày 08/6/2018, Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tvà tại phiên tòa bị đơn ông Lê Văn L trình bày:

Trước năm 1994 ông mua đất của ông 6 S (chết) diện tích ngang 19m, dài 50m, khi mua có làm giấy tay, nay đã bị mất, không có ai làm chứng, có đo bằng thước cây, từ ranh đất ông Bảy Đã đo về phía đất ông T là 19m, dài 50m và có hàng tre trên đất, không biết của ai, sau đó cha vợ ông là ông Nguyễn Văn H đốn 02 bụi, còn một bụi nằm trong đất của ông phía sau sàn nước nhà anh L, hiện nay ông đã đốn tre chỉ còn lại gốc. Năm 1994 ông được Ủy ban nhân dân huyện T cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trước khi cấp giấy xã có đo đạc, đo bằng thước dây, ai đo không nhớ và chỉ đo chiều dài là 50m từ lộ đo vô.

Hiện nay trên đất của ông gồm có nhà ngói của ông, hiện do ông và con là Lê Thị L1 đang ở, nhà ngói của anh Trịnh Văn L2 và vợ là Lê Thị C. Theo ông thì ông T lấn ranh đất của ông, phía ngoài lộ từ trụ điện sang nhà ông T là 1,2m, phía sau hậu là 1.8m, chiều dài 50m. Trên đất tranh chấp (88,5m^2) ông T có hàng rào lưới B40 dài 8m, cao khoảng 1,5m, vách tường và 02 mái che nhà ông T. Trên đất của ông có nhà của anh L và chị Cao, ông đồng ý để cho anh L, chị Cao được tiếp tục quản lý sử dụng, không yêu cầu di dới và không có yêu cầu gì đối với anh L và chị Cao.

Nay ông yêu cầu ông T phải tháo dỡ, di dời hàng rào lưới B40, vách tường, 02 mái che nhà ông T và đốn 01 bụi tre trên đất để trả lại diện tích đất tranh chấp 88,5m^2, đất thuộc một phần thửa 472, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do ông đứng tên, đất tại ấp B, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Tại Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trịnh Văn L2 trình bày: Anh là con rể ông L, là chồng chị Lê Thị C, hiện nay anh và chị Cao có nhà trên đất của ông L, giữa anh, chị Cao và ông L không có tranh chấp gì, do mái che nhà của anh nằm trên phần đất tranh chấp giữa ông L và ông T. Nếu đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng của ông L thì anh yêu cầu giữ nguyên hiện trạng. Nếu mái che nhà anh trên đất của ông T, anh đồng ý tháo dỡ, di dời trả lại đất cho ông T. Sau sàn nước nhà anh giáp với đất của ông T có một cây mít do anh trồng cách nay khoảng 06 năm, nếu canh mít ảnh hưởng đến nhà ông T, anh tự nguyện đốn, không yêu cầu ông T phải trả lại tiền giá trị cây mít.

Tại Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện T và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị C trình bày: Chị là con ông L, là vợ anh L, chị có ý kiến và yêu cầu như lời trình bày của anh L, ngoài ra không có ý kiến gì khác.

Tại Biên bản hòa giải ngày 14/6/2018, các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện Tvà tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị L1 trình bày: Chị là con ông L, hiện nay đang sống chung nhà với ông L, chị thống nhất với lời trình bày và yêu cầu ông L, không có ý kiến gì khác.

Tại Biên bản lấy lời khai ngày 06/3/2017 và tại phiên tòa người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị M trình bày: Bà là vợ ông T, bà thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu của ông T, không có ý kiến và yêu cầu gì khác.

Tại Bản tự khai ngày 30/5/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Đức L trình bày: Anh là con ông T, việc ông T tranh chấp ranh đất với ông L, sự việc do cha anh giải quyết, anh không có ý kiến và yêu cầu gì.

Tại Bản tự khai ngày 04/6/2018 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Trịnh Thị Bích T trình bày: Chị là nhân viên làm ở Công ty may mặc tại thành phố H nên không về được, chị xin vắng mặt phiên hòa giải và vắng mặt tại phiên tòa.

* Tại quyết định bản án sơ thẩm số 37/2018/DS-ST, ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Tđã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức L đối với ông Lê Văn L, chị Lê Thị C, chị Lê Thị L1, anh Trịnh Văn L2 và chị Trịnh Thị Bích T;

Ông T, bà My và anh Lợi được tiếp tục quản lý sử dụng 88,5m^2 đất, đất thuộc một phần của thửa 471, tờ bản đồ số 3, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002365/QSDĐ/A4, do Ủy ban nhân dân huyện T cấp cho hộ Nguyễn Trung T ngày 17/9/1997. Đất tọa lạc tại ấp Bắc, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp lộ nhựa, từ mốc 02 đến mốc 03 có độ dài là 1,19m.

- Phía Nam giáp với đường nước, từ mốc 06 đến mốc 07 có độ dài là 2,33m.

- Phía Đông giáp với đất của ông L (Thửa 472), từ mốc 03 đến mốc 06 có độ dài là 50,48m.

- Phía Tây giáp với đất của ông T, từ mốc 02 đến mốc 07 có độ dài là 50,25m.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức L với ông Lê Văn L được xác định từ điểm số 3 đến điểm số 6 (Theo sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2017).

2. Buộc anh Trịnh Văn L2, ông Lê Văn L, chị Lê Thị C, chị Lê Thị L1 và chị Trịnh Thị Bích T phải đốn cây mít để không làm ảnh hưởng đến nhà của ông T (Có sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ và Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/3/2017 kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn L đối với ông Nguyễn Trung T, về việc ông L yêu cầu ông T phải tháo dỡ, di dời hàng rào B40, nền nhà trước, mái che, vách tường và bụi tre để trả lại 88,5m^2 đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn L phải chịu tiền án phí là 885.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002709 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, ông L phải

nộp thêm 585.000đ (Năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T;

Ông Nguyễn Trung T được nhận lại 600.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07505 ngày 16/2/2017 và 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00579 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T, Tổng cộng là 900.000đ (Chín trăm nghìn đồng), nhận tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 17/7/2018, ông Lê Văn L kháng cáo không đồng ý với bản án sơ thẩm, vì cho rằng ông T xây nhà giáp tới ranh đất của ông và mái che nhà ông T đã lấn sang đất của ông nên ông yêu cầu Tòa phúc thẩm xác định lại ranh đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông đủ diện tích ngang 19m, dài 50m.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Lê Thị L1 đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Văn L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của ông L, yêu cầu Tòa án xác định ranh đất cho ông L đủ diện tích đất ngang 19m, dài 50m.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến: Xét yêu cầu kháng cáo của ông Lê Văn L xác định lại ranh đất cho ông đủ diện tích ngang 19m, dài 50m là chưa có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét kháng cáo của ông L, Hội đồng xét xử xét thấy: Nguồn gốc đất của ông T là được cha mẹ ông T để lại từ năm 1983, đất của ông L là do ông L nhận chuyển nhượng của ông Sáu Sua vào năm 1994. Gia đình ông T và gia đình ông L đã sử dụng đất từ những thời điểm được cho và nhận chuyển nhượng đất như trên cho đến nay. Từ trước đến nay giữa hai bên chưa có xảy ra tranh chấp về ranh giới và được giải quyết để xác định ranh giới; từ trước đến

nay giữa hai bên cũng không có thỏa thuận về ranh đất với nhau cũng như khi cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không có đo đạc thực tế, có các bên ký tên xác định ranh giới cụ thể; việc ông L cho rằng phần đất của được ông nhận chuyển nhượng với chiều ngang 19m (chiều dài 50m) và khi mua có làm giấy tay, nay đã bị mất, nhưng ông L không có gì để chứng minh cho lời trình bày này là có cơ sở. Vì vậy, ông L yêu cầu xác định ranh đất giữa hai bên theo đúng kích thước và diện tích đất được cấp là không có căn cứ.

Xét thấy, diện tích đất mà hai bên tranh chấp ranh giới là trong phạm vi các mốc 2-3-6-7-2 theo sơ đồ đo đạc, thì hiện trạng là do phía gia đình ông T sử dụng, gồm phần nền sân nhà, hàng rào lưới B40 trụ bê-tông và phần lớn mái nhà – trái tàu trên không của ông T, mà tất cả các hiện trạng, tài sản trên là kiên cố, là kiến trúc gắn liền với căn nhà của ông T đã được xây dựng từ lâu và ổn định; khi phía ông T sử dụng, xây dựng thì phía gia đình ông L không có tranh chấp hay ý kiến gì; còn bên phía ông L thì chỉ có vừng một tấm vạc tre lá phía trên mái nhà của ông T với diện tích không đáng kể và mang tính tạm bợ, ngoài ra, thì cũng chỉ có một cây mít được anh L (con ông L) trồng nhưng cũng chỉ ngay vị trí ranh do ông T và ông L thống nhất xác định. Mặt khác, nếu xét vào diện tích đất được cấp quyền sử dụng của hai bên, trong đó bên phía ông L khi chưa bao gồm diện tích đất tranh chấp thì diện tích đất thực tế đã nhiều hơn diện tích đất được cấp, còn phía ông T thì ngược lại, vẫn còn thiếu.

Do đó, đã có đủ cơ sở để xác định diện tích đất tranh chấp ranh giới là thuộc quyền sử dụng của ông T. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ vào hiện trạng sử dụng đất giữa hai bên, xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T, xác định ranh đất giữa hai bên là đoạn thẳng từ mốc 3 đến mốc 6 (theo sơ đồ đo đạc) là có căn cứ và phù hợp pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện hợp pháp của ông L cũng không xuất trình được tài liệu, chứng cứ nào khác để chứng minh cho lời trình bày và yêu cầu của ông L là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[2] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về nội

dung đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm. Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Do kháng cáo của ông L không được chấp nhận và Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm nên ông L phải chịu án phí phúc thẩm.

[4] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 148 và khoản 1 Điều 308 của Bô luật tố tụng dân sự; Điều 245 và Điều 248 Bộ luật dân sự; khoản 5 Điều 166 Luật đất đai năm 2013;

Nghị quyết 326/2016/UBTUQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội 14 về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Văn L.

- Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 37/2018/DS-ST ngày 05/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện T.

1. Chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức L đối với ông Lê Văn L, chị Lê Thị C, chị Lê Thị L1, anh Trịnh Văn L2 và chị Trịnh Thị Bích T;

Ông T, bà My và anh Lợi được tiếp tục quản lý sử dụng 88,5m^2 đất, đất thuộc một phần của thửa 471, tờ bản đồ số 3, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 002365/QSDĐ/A4, do Ủy ban nhân dân huyện Tcấp cho hộ Nguyễn Trung T ngày 17/9/1997. Đất tọa lạc tại ấp Bắc, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp. Đất có tứ cận như sau:

- Phía Bắc giáp lộ nhựa, từ mốc 02 đến mốc 03 có độ dài là 1,19m.

- Phía Nam giáp với đường nước, từ mốc 06 đến mốc 07 có độ dài là 2,33m.

- Phía Đông giáp với đất của ông L (Thửa 472), từ mốc 03 đến mốc 06 có độ dài là 50,48m.

- Phía Tây giáp với đất của ông T, từ mốc 02 đến mốc 07 có độ dài là 50,25m.

Ranh giới quyền sử dụng đất giữa đất của ông Nguyễn Trung T, bà Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Đức L (thuộc thửa 471) với đất của ông Lê Văn L (thuộc thửa 472) được xác định từ điểm số 3 đến điểm số 6 (Theo sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ ngày 21/3/2017 kèm theo).

2. Buộc anh Trịnh Văn L2, ông Lê Văn L, chị Lê Thị C, chị Lê Thị L1 và chị Trịnh Thị Bích T phải đốn cây mít để không làm ảnh hưởng đến nhà của ông T (Có sơ đồ đo đạc thẩm định tại chỗ và Biên bản xem xét thẩm định ngày 21/3/2017 kèm theo).

3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của ông Lê Văn L đối với ông Nguyễn Trung T về việc yêu cầu ông T phải tháo dỡ, di dời hàng rào B40, nền nhà trước, mái che, vách tường và bụi tre để trả lại 88,5m^2 đất.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Lê Văn L phải chịu 885.000đ, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002709 ngày 11/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, nên ông L phải nộp tiếp 585.000đ (Năm trăm tám mươi lăm nghìn đồng).

- Ông Nguyễn Trung T không phải chịu nên được nhận lại 600.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 07505 ngày 16/2/2017 và 300.000đ theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 00579 ngày 20/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

5. Về án phí phúc thẩm: Ông Lê Văn L phải chịu 300.000đ, nhưng được khấu trừ vào 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0001865 ngày 19/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Ông L đã nộp xong án phí phúc thẩm.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp quyết định, bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐ&KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND huyện T;
-Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu: VT, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ toạ phiên toà

Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy